

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ SÔNG CẦU
TỈNH PHÚ YÊN**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 02/2020/DSST
Ngày 10/02/2020
V/v “*Tranh chấp hợp đồng
vay tài sản*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ SÔNG CẦU, TỈNH PHÚ YÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lý Thơ Hiền
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Võ Tân Sĩ và ông Hồ Văn Xuân.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lò Nhật Chuyên – Cán bộ Tòa án nhân dân thị xã Sông Cầu, tỉnh Phú Yên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Sông Cầu, tỉnh Phú Yên tham gia phiên tòa: Ông Huỳnh Văn Dương – Kiểm sát viên.

Vào ngày 10 tháng 02 năm 2020, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Sông Cầu, tỉnh Phú Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 155/2019/TLST-DS ngày 05 tháng 8 năm 2019 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 95/2019/QĐXXST-DS ngày 05 tháng 12 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 01/2020/QĐST-DS ngày 03 tháng 01 năm 2020, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Trần Thị Thúy D, sinh năm 1987; địa chỉ: Khu phố AT, phường XD, thị xã Sông Cầu, tỉnh Phú Yên. Có mặt.

- Bị đơn: Lê Thị Kim Tr, sinh năm 1969 và Nguyễn Chí D1, sinh năm 1967; địa chỉ: Khu phố TT, phường XD, thị xã Sông Cầu, tỉnh Phú Yên. Vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Nguyễn Thị Diễm Ch, sinh năm 1988; địa chỉ: Khu phố TT, phường XD, thị xã Sông Cầu, tỉnh Phú Yên. Vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt).

Lê Thanh T, sinh năm 1984; địa chỉ: K2, p4, thành phố Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Trong đơn khởi kiện ngày 31/7/2019 và quá trình làm việc tại Tòa án, nguyên đơn là Trần Thị Thúy D trình bày được tóm tắt như sau:*

Ngày 31/7/2018, chị Trần Thị Thúy D có cho vợ chồng Lê Thị Kim Tr, Nguyễn Chí D1 vay số tiền 180.000.000đ (một trăm tám mươi triệu đồng), thời hạn vay là 04 tháng kể từ 31/7/2018 đến 31/11/2018.

Cũng vào ngày 31/7/2018, chị D có đưa cho Lê Thanh T để T cho vợ chồng Lê Thị Kim Tr, Nguyễn Chí D1 vay số tiền 180.000.000đ (một trăm tám mươi triệu đồng), thời hạn vay là 04 tháng kể từ 31/7/2018 đến 31/11/2018.

Ngày 08/9/2018, chị D tiếp tục cho vợ chồng Tr, D1 vay số tiền 40.000.000đ (bốn mươi triệu đồng), thời hạn vay là 01 tháng kể từ ngày 08/9/2018 đến ngày 08/10/2018. Trong giấy nhận nợ này có chữ ký của Nguyễn Thị Diễm Ch với tư cách người chứng kiến chứ không phải là người chịu trách nhiệm trả tiền.

Đến thời hạn trả nợ, vợ chồng Tr, D1 không trả mà bỏ đi khỏi địa phương không thông báo cho chị D biết nên chị D khởi kiện, yêu cầu vợ chồng Lê Thị Kim Tr, Nguyễn Chí D1 phải trả nợ số tiền 400.000.000đ (bốn trăm triệu đồng) không yêu cầu tính lãi.

Tại phiên tòa, chị D rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền 180.000.000đ (một trăm tám mươi triệu đồng) theo giấy mượn tiền ngày 31/7/2018 do Lê Thanh T cho vợ chồng Tr, D1 vay và đề nghị Tòa án đình chỉ một phần vụ án.

** Bị đơn là Lê Thị Kim Tr, Nguyễn Chí D1 vắng mặt không có lời trình bày.*

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Nguyễn Thị Diễm Ch trình bày được tóm tắt như sau:*

Chị Ch có nghe cha mẹ là vợ chồng Lê Thị Kim Tr, Nguyễn Chí D1 vay của Trần Thị Thúy D nhưng vay cụ thể bao nhiêu thì không biết. Vào ngày 08/9/2018, chị D có cho cha mẹ chị Ch là vợ chồng Tr, D1 vay số tiền 40.000.000đ (bốn trăm triệu đồng) và có yêu cầu chị Ch cùng ký tên vào giấy mượn tiền của Tr, D1 thì Ch ký chứ không có trách nhiệm trả tiền.

Số tiền 40.000.000đ (bốn trăm triệu đồng) này thì Ch cũng đã trả cho chị D nhưng không có chứng từ gì. Đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật; yêu cầu Tòa án giải quyết, xét xử vắng mặt.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Lê Thanh T trình bày được tóm tắt như sau:*

Trước đây, Lê Thanh T có thay mặt chị Trần Thị Thúy D đưa số tiền 180.000.000đ (một trăm tám mươi triệu đồng) cho vợ chồng Lê Thị Kim Tr, Nguyễn Chí D1 vay. T xác định số tiền 180.000.000đ (một trăm tám mươi triệu đồng) mà vợ chồng D1, Tr vay là tiền của chị Trần Thị Thúy D.

** Kiểm sát viên phát biểu:* Về việc tuân theo pháp luật của người tiền hàng tố tụng và tham gia tố tụng. Tại phiên tòa, nguyên đơn rút một phần yêu

cầu khởi kiện nên đề nghị căn cứ Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện.

Về hướng giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX căn cứ các điều 463, 466, 470 của Bộ luật Dân sự năm 2015; chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Trần Thị Thúy D đối với Lê Thị Kim Tr, Nguyễn Chí D1, buộc Tr, D1 phải trả nợ gốc 220.000.000đ (hai trăm hai mươi triệu đồng)

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa; trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ; ý kiến của nguyên đơn, bị đơn. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là tranh chấp về hợp đồng vay tài sản được điều chỉnh bởi Điều 463 Bộ luật Dân sự năm 2015, là tranh chấp về giao dịch dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại Công văn số 73/PA08 của Phòng Quản lý Xuất nhập cảnh Công an tỉnh Phú Yên cung cấp thông tin Lê Thị Kim Tr, Nguyễn Chí D1 đã xuất cảnh ra khỏi Việt Nam từ ngày 23/9/2018 và hiện nay chưa có thông tin nhập cảnh. Như vậy, vợ chồng Lê Thị Kim Tr, Nguyễn Chí D1 có nơi đăng ký thường trú tại khu phố Tân Thạnh, phường Xuân Đài, thị xã Sông Cầu, tỉnh Phú Yên, đúng địa chỉ ghi trên giấy mượn tiền nhưng bỏ đi khỏi địa phương mà không thông báo địa chỉ mới cho nguyên đơn biết là thuộc trường hợp cố tình giấu địa chỉ nên Tòa án thụ lý giải quyết theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 6 Nghị quyết 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của TAND tối cao .

Vì không có thông tin về nơi cư trú hiện nay của vợ chồng Tr, D1 nên vụ án không thuộc trường hợp phải ủy thác tư pháp ra nước ngoài. Do đó, TAND thị xã Sông Cầu thụ lý giải quyết thuộc thẩm quyền quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] TAND thị xã Sông Cầu đã tiến hành hòa giải, đưa vụ án ra xét xử và mở phiên tòa lần thứ hai nhưng bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Lê Thanh T vắng mặt không lý do; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Thị Diễm Ch có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ các điều 227, 228 của BLTTDS, HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt đương sự.

[3] Tại phiên tòa, nguyên đơn Trần Thị Thúy D tự nguyện rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền 180.000.000đ theo giấy mượn tiền ngày 31/7/2018 (do Lê Thanh T đứng tên cho vay) nên HĐXX căn cứ Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự đình chỉ giải quyết một phần yêu cầu khởi kiện.

[4] Về yêu cầu khởi kiện: Căn cứ lời trình bày của nguyên đơn Trần Thị Thúy D phù hợp với chứng cứ khởi kiện là giấy mượn tiền ngày 31/7/2018 và giấy mượn tiền ngày 08/9/2018, đủ cơ sở xác định: Vợ chồng Lê Thị Kim Tr, Nguyễn Chí D1 có vay và còn nợ Trần Thị Thúy D số tiền 180.000.000đ theo giấy mượn tiền vào ngày 31/7/2018 và 40.000.000đ theo giấy mượn tiền ngày

08/9/2018. Cả hai hợp đồng vay trên đều có ghi thời hạn trả nợ, không ghi nhận lãi suất, là hợp đồng vay có kỳ hạn và không lãi.

[5] Xét việc thực hiện hợp đồng:

+ Theo giấy mượn tiền ngày 31/7/2018, thời hạn trả nợ là ngày 31/11/2018. Thực tế, tháng 11 không có ngày 31 nên ngày 30/11/2018 là ngày trả nợ cuối cùng. Khi đến hạn, vợ chồng Tr, D1 không trả nợ là vi phạm nghĩa vụ trả tiền của bên vay.

+ Theo giấy mượn tiền ngày 08/9/2018, thời hạn trả nợ là 01 tháng nên ngày 08/10/2018 là đến hạn trả nợ nhưng vợ chồng Tr, D1 không trả là vi phạm nghĩa vụ trả tiền của bên vay.

Do đó, chấp nhận yêu cầu khởi kiện buộc vợ chồng Lê Thị Kim Tr, Nguyễn Chí D1 phải trả nợ gốc cho Trần Thị Thúy D theo hai hợp đồng vay tài sản số tiền 220.000.000đ.

[6] Về lãi: Nguyên đơn Trần Thị Thúy D không yêu cầu giải quyết nên không xét.

[7] Về án phí: Lê Thị Kim Tr, Nguyễn Chí D1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trên giá trị còn phải thi hành tương ứng số tiền: $(220.000.000đ \times 5\%) = 11.000.000đ$. Hoàn trả cho Trần Thị Thúy D số tiền tạm ứng án phí đã nộp 10.000.000đ có tại biên lai thu tiền số 0007033 ngày 05/8/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Sông Cầu.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự, đình chỉ giải quyết một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Trần Thị Thúy D về hợp đồng vay tài sản lập ngày 31/7/2018 do Lê Thành T đứng tên cho vay đối với số tiền 180.000.000đ (một trăm tám mươi triệu đồng).

- Căn cứ vào:

+ Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 68, các điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

+ Các điều 463, 466, 470 và Điều 357 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

+ Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

[1] Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Trần Thị Thúy D đối với Lê Thị Kim Tr, Nguyễn Chí D1:

+ Buộc Lê Thị Kim Tr, Nguyễn Chí D1 phải thanh toán trả cho Trần Thị Thúy D số tiền còn nợ của Hợp đồng vay có kỳ hạn và không lãi ngày 31/7/2018 số tiền gốc: 180.000.000đ (một trăm tám mươi triệu đồng);

+ Buộc Lê Thị Kim Tr, Nguyễn Chí D1 phải thanh toán trả cho Trần Thị Thúy D số tiền còn nợ của Hợp đồng vay có kỳ hạn và không lãi ngày 08/9/2018 số tiền gốc: 40.000.000đ (bốn mươi triệu đồng);

[2] Khi bản án có hiệu lực pháp luật và kể từ ngày người được thi hành án có đơn thi hành án, nếu người phải thi hành án chưa thi hành xong khoản tiền nêu trên thì còn phải chịu thêm khoản tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

[3] Về án phí: Lê Thị Kim Tr, Nguyễn Chí D1 phải nộp 11.000.000đ (mười một triệu đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho Trần Thị Thúy D số tiền tạm ứng án phí đã nộp 10.000.000đ (mười triệu đồng) có tại biên lai thu tiền số 0007033 ngày 05/8/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Sông Cầu.

[4] Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án; quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

[5] Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm; đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày bản án được giao cho họ hoặc được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Phú Yên;
- VKSND Tx. Sông Cầu;
- Chi cục thi hành án Tx. Sông Cầu;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Lý Thơ Hiền